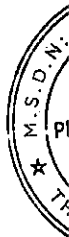


**HỒ SƠ MỜI BÁO GIÁ
THI CÔNG XÂY LẮP**

**GÓI THẦU: CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG ĐIỆN
ĐIỀU KHIỂN, HỆ THỐNG VAN ĐỊNH LƯỢNG DẦU GỐC
VÀO BỂ PHA CHẾ - NMDN NHÀ BÈ**

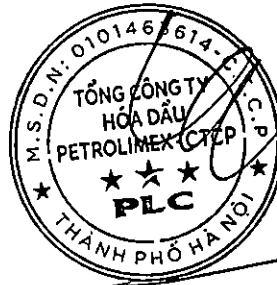


**HỒ SƠ MỜI BÁO GIÁ
THI CÔNG XÂY LẮP**

**GÓI THẦU THI CÔNG XÂY LẮP: CẢI TẠO, NÂNG CẤP HỆ THỐNG
ĐIỆN, ĐIỀU KHIỂN, HỆ THỐNG VAN ĐỊNH LƯỢNG DẦU GÓC VÀO BÈ
PHA CHẾ - NMDN NHÀ BÈ**

Ngày 28 tháng 4 năm 2026

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Quang Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư	Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP
Luật đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế
Nghị định 214/CP	Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
Quy chế	Quy chế lựa chọn nhà thầu của TCT PLC ban hành theo Quyết định số: 84/QĐ-PLC-HĐQT của HĐQT TCT PLC.
HSMBG	Hồ sơ mời báo giá
HSBG	Hồ sơ báo giá

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Khái quát

1. Bên mời thầu Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP mời nhà thầu nhận HSMBG gói thầu thi công xây lắp: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng dầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè thuộc dự toán: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng dầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè.
2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty PLC.
3. Thời gian thực hiện gói thầu là: 150 ngày, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng (bao gồm cả dịch vụ liên quan (nếu có)), không bao gồm thời gian hoàn thành nghĩa vụ bảo hành.

Mục 2. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu

1. HSMBG được phát hành miễn phí trên Trang thông tin đấu thầu của Tổng công ty.
2. Nhà thầu chịu chi phí liên quan đến việc chuẩn bị HSBG và tham dự thầu.

Mục 3. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn nhà thầu dưới mọi hình thức.
3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:
 - a. Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị HSBG rút HSBG để một bên trúng thầu;
 - b. Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;
 - c. Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của HSMBG nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSBG hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.
4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:
 - a. Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong hoạt động lựa chọn nhà thầu;
 - b. Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong HSMBG, HSBG nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.
5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:
 - a. Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc

gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với bộ phận có chức năng, thẩm quyền về đánh giá, giám sát, kiểm tra, kiểm toán;

- b. Cản trở Người có thẩm quyền, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;
 - c. Cản trở bộ phận có chức năng đánh giá, giám sát, kiểm tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;
 - d. Cố tình khiêu nạt, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động lựa chọn nhà thầu;
 - e. Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc công bố thông tin trên trang thông tin đấu thầu của Tổng công ty/Công ty thành viên.
6. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định, bao gồm:
- a. Nội dung HSMBG trước thời điểm phát hành theo quy định;
 - b. Nội dung HSBG; nội dung yêu cầu làm rõ HSBG của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSBG; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của bộ phận chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSBG trước khi được công khai theo quy định;
 - c. Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
 - d. Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, bản quyền, thương hiệu, uy tín thương mại, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ an toàn công nghệ thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty/Công ty thành viên.
7. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:
- a. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu mà không được sự chấp thuận của Chủ đầu tư;
 - b. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu mà không được sự chấp thuận của Chủ đầu tư

Mục 4. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.
2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm d, e khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu.
3. Nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu.

4. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh không phải đáp ứng quy định về bảo đảm cạnh tranh tại điểm đ khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác.
5. Nhà thầu khi tham dự các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này phải đáp ứng các điều kiện về tư cách hợp lệ theo quy định trên, trừ các điều kiện sau:
 - a. Nhà thầu không bắt buộc phải có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi tham dự thầu.
 - b. Công ty/đơn vị thành viên của Tổng công ty được phép tham dự quá trình lựa chọn nhà thầu theo Quy chế này; các yêu cầu về độc lập pháp lý, độc lập tài chính liên quan đến cổ phần, vốn góp đối với các bên tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu không áp dụng cho trường hợp này.

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSMBG

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSMBG thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSMBG được thể hiện bằng văn bản.
2. Trường hợp sửa đổi HSMBG, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMBG đến nhà thầu là 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, rút và sửa đổi HSBG

1. Nộp HSBG: Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSBG khi tham gia gói thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSBG sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.
2. Sửa đổi, nộp lại HSBG: Trường hợp cần sửa đổi HSBG đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSBG đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSBG, nhà thầu tiến hành nộp lại HSBG mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSBG trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi HSMBG (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSBG mới cho phù hợp với HSMBG được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại HSBG thì HSBG đã nộp trước thời điểm HSMBG được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.
3. Việc sửa đổi HSMBG được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 03 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
4. Rút HSBG: Nhà thầu được rút HSBG trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút HSBG sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSBG thì nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bị đánh giá là không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá HSBG. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSBG (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSBG của nhà thầu.

5. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSBG trước thời điểm đóng thầu

Mục 7. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.
3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 8. Thành phần của HSBG

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số, yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSBG để chuẩn bị HSBG của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSBG, bao gồm:

1. Đơn báo giá hàng hóa theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Bản gốc bảo đảm dự thầu theo quy định;
3. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 02 Chương III (nếu là nhà thầu liên danh);
4. Đề xuất về giá theo Mẫu số 03 Chương III;
5. kê khai thông tin nhà thầu theo Mẫu số 04 Chương III;
6. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu;
7. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:
 - Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu theo mẫu số 05 Chương III;
 - Năng lực tài chính theo mẫu số 06 Chương III;
 - Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo mẫu số 07 Chương III;
 - Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác (nếu có).
8. Đề xuất kỹ thuật của nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương IV;
9. Các nội dung khác (nếu có).

Mục 9. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn báo giá bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSBG, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
2. Nhà thầu phải nộp HSBG cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào

giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định theo Mẫu số 03 Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Mục 10. Đề xuất kỹ thuật của nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu (chi tiết tại Chương IV)

Mục 11. Hiệu lực của HSBG

1. Thời gian có hiệu lực của HSBG phải bảo đảm theo yêu cầu là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSBG.
2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSBG, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSBG. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 12. Quy cách HSBG

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc HSBG; Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSBG.
2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 8 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSBG phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thuận liên danh.
3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 13. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSBG do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 09h00, ngày 14 tháng 05 năm 2026.
2. Mở thầu:
 - a. Tại thời điểm đóng thầu: Bên mời thầu lập Biên bản đóng thầu để ghi nhận các hồ sơ đã được nộp trước thời điểm đóng thầu.
 - b. Trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.
 - c. Biên bản mở thầu, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

Thông tin về gói thầu:

- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu;

- Loại hợp đồng;
- Thời điểm hoàn thành mở thầu;
- Tổng số nhà thầu tham dự.

Thông tin về các nhà thầu tham dự:

- Tên nhà thầu;
- Giá dự thầu;
- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Giá trị và hiệu lực của bảo đảm dự thầu;
- Thời gian có hiệu lực của HSBG;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Mục 14. Nhà thầu phụ: Không áp dụng

Mục 15. Đánh giá HSBG và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSBG được thực hiện theo quy định tại Chương II.
2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSBG để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu (nếu có). Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 16. Điều kiện nhà thầu được đề nghị trúng thầu

1. Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Có HSBG hợp lệ;
 - b. Có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu HSMBG;
 - c. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMBG;
 - d. Có giá trị phân sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;
 - e. Có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
 - f. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt.
2. Đối với nhà thầu không được lựa chọn, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu lý do nhà thầu không trúng thầu.

Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên Hệ thống mạng đấu thầu.

Điều 18. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSBG của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 19. Bảo đảm dự thầu

1. Nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm dự thầu trong thời gian xác định theo yêu cầu của HSMBG:
 - a. Đặt cọc.
 - b. Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
 - c. Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
2. Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định của HSMBG.
3. Mức bảo đảm dự thầu được quy định là 2% giá gói thầu.
4. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định trong HSMBG bằng thời gian có hiệu lực của HSBG cộng thêm 30 ngày.
5. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của HSBG sau thời điểm đóng thầu, Bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong HSBG đã nộp. Trường hợp nhà thầu từ chối gia hạn thì HSBG sẽ không còn giá trị và bị loại; Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày Bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.
6. Trường hợp liên danh tham dự thầu, từng thành viên trong liên danh có thể thực hiện bảo đảm dự thầu riêng hoặc thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu cho thành viên đó và cho thành viên khác trong liên danh.

Tổng giá trị của bảo đảm dự thầu không thấp hơn giá trị yêu cầu trong HSMBG. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh không được hoàn trả.

7. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong HSMBG nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.
8. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:
 - a. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSMBG, nhà thầu rút HSBG hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSBG theo yêu cầu của HSMBG;
 - b. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 18 của Quy chế của TCT PLC dẫn đến phải hủy thầu theo quy định Điều 11 Quy chế;
 - c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 12 phụ lục VIII Quy chế;
 - d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày đối với đấu thầu trong nước và 10 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày mời ký kết hợp đồng, thoả thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng.
9. Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định của Quy chế dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 8 Điều này, Mục 12 - Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Phụ lục VIII của Quy chế thì việc quản lý, sử dụng khoản thu từ bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả được thực hiện theo quy chế tài chính và các quy định khác có liên quan của Tổng công ty/Công ty thành viên.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện một trong các biện pháp sau đây để bảo đảm trách nhiệm thực hiện hợp đồng:
 - a. Đặt cọc;
 - b. Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;
 - c. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng khác theo quyết định của Người có thẩm quyền.
2. Nhà thầu được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực.
3. Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 5% giá hợp đồng.

4. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải kéo dài cho đến khi chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành (nếu có) đối với gói thầu thi công xây lắp; thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng phải kéo dài cho đến khi nhà thầu hoàn thành mọi nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

5. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:
 - a. Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
 - b. Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - c. Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 21. Bảo mật

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSBG và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSBG của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.
- 2.. Trừ trường hợp làm rõ HSBG (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSBG của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 22. Hủy thầu

Người có thẩm quyền xem xét quyết định hủy thầu trên cơ sở đề xuất của Bên mời thầu trong các trường hợp sau:

1. Tất cả HSBG không đáp ứng được các yêu cầu của HSMBG;
2. Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt đối với dự án hoặc thay đổi về mục tiêu, phạm vi cung cấp hàng hóa, dịch vụ của gói thầu đã được phê duyệt và bị thay đổi theo quyết định của Người có thẩm quyền trên cơ sở báo cáo đề xuất của Bên mời thầu và các trường hợp bất khả kháng khác;
3. Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;

Mục 23. Đình chỉ cuộc thầu, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Khi có bằng chứng tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu có hành vi quy định tại Điều 18 của Quy chế hoặc hành vi vi phạm quy định của pháp luật có liên quan dẫn

đến không bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả hoặc làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì Người có thẩm quyền xem xét quyết định thực hiện một hoặc một số biện pháp sau đây trên cơ sở đề xuất của Bên mời thầu:

- a. Đình chỉ cuộc thầu để tạm dừng các hoạt động lựa chọn nhà thầu nhằm khắc phục ngay vi phạm đã xảy ra. Đình chỉ cuộc thầu được thực hiện trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu cho đến trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- b. Không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu và quá trình thực hiện hợp đồng.
2. Văn bản đình chỉ, không công nhận kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do, nội dung, biện pháp và thời gian khắc phục vi phạm.

Mục 24. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các điều 89, 90 và 91 Luật Đấu thầu.
2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:
 - a. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, tầng 18, số 229 phố Tây Sơn, phường Kim Liên, TP Hà Nội, điện thoại: 0243.8513205, Fax: 02438513207.
 - b. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, tầng 18, số 229 phố Tây Sơn, phường Kim Liên, TP Hà Nội, điện thoại: 0243.8513205, Fax: 02438513207.
 - c. Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, tầng 18, số 229 phố Tây Sơn, phường Kim Liên, TP Hà Nội, điện thoại: 0243.8513205, Fax: 02438513207.

Mục 25. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP, tầng 18, số 229 phố Tây Sơn, phường Kim Liên, TP Hà Nội, điện thoại: 0243.8513205, Fax: 02438513207.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSBG

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSBG

1.1. Kiểm tra HSBG

- a. Kiểm tra các thành phần của HSBG theo quy định tại Mục 8 Chương I;

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSBG

HSBG của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a. Có bản gốc HSBG;
- b. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 19 chương I.
- c. Có đơn báo giá được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của HSMBG; thời gian ký đơn báo giá phải sau thời điểm phát hành HSMBG; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư. Đối với nhà thầu liên danh, đơn báo giá phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn báo giá theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- d. Hiệu lực của HSBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 11 Chương I;
- e. Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 02 Chương III);
- f. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 Chương I.
- g. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

Bảng số 01

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chia khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽³⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế ⁽⁴⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn báo giá
3	Năng lực tài chính					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính ⁽⁵⁾	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 06
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 ⁽⁶⁾ năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (năm 2023, 2024, 2025) của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.409.000.000 ⁽⁷⁾ đồng (tính bằng 1,5 lần giá gói thầu trước thuế)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 06
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm	Mẫu số 07

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ		Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh
		phụ ⁽⁸⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự có tính chất là xây lắp các hạng mục công trình về kết cấu bê chứa, hệ thống đường ống công nghệ, hệ thống điện động lực, điều khiển, thi công trong kho xăng dầu hoặc gas hoặc hóa chất hoặc hóa dầu hoặc dầu nhờn. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 867.300.000 đồng ⁽¹¹⁾ (tính bằng 50% giá gói thầu)			nhận)

Ghi chú:

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (Tờ khai thuế hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế).

(5) Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

- Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.
- Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt.
- HSBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

1. Xác định giá:

- Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);

- Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

2. Xác định giá thấp nhất:

- Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 3: Xếp hạng nhà thầu: HSBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Chương III. BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 01

ĐƠN BÁO GIÁ

Ngày:

Tên gói thầu:

Kính gửi:

Sau khi nghiên cứu HSMBG, chúng tôi:

Tên nhà thầu: _____, Mã số thuế: _____ cam kết thực hiện gói thầu _____ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMBG với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ (Số tiền bằng chữ: _____).

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____
[Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSBG: _____

Bảo đảm dự thầu: _____ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Thời gian thực hiện gói thầu: _____ [ghi thời gian thực hiện gói thầu kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế theo đúng quy định của Pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾;

8. Những thông tin kê khai trong HSBG là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, HSBG và các văn bản bổ sung, làm rõ HSBG tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
10. Nếu HSBG của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định;
11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽⁴⁾;

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: ____

Gói thầu: ____

Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____

Căn cứ⁽²⁾ ____

Căn cứ HSMBG Gói thầu: ____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____

Mã số thuế: ____ ;

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ .

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ .

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

- Nộp HSBG cho cả liên danh.
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSBG hoặc văn bản đề nghị rút HSBG;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- _____ - _____	- _____% - _____%
2	Tên thành viên thứ 2	- _____ - _____	- _____% - _____%
....

Tổng cộng	Toàn bộ công việc của gói thầu	100%
------------------	---	-------------

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[ký xác nhận]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ký xác nhận]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Mô tả công việc	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
					(Cột 3 x 5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Các hạng mục				A=A1+A2+...
I.1	Hạng mục 1				A1
1	...				
2	...				
I.2	Hạng mục 2				A2
1	...				
2	...				
..
II	Chi phí dự phòng				
1	Chi phí dự phòng	b%			B = b% x A
Tổng giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)):					X=A+B

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]:</i>
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu (nếu có).

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG XÂY LẮP, EPC, EC, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên nhà thầu: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2 Chương II

- Không có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương II.
- Có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương II.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng xây lắp, EPC, EC, PC không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSBG của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên nhà thầu: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày __ tháng __ đến ngày __ tháng __ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMBG		
	Năm 1: 2023	Năm 2: 2024	Năm 3: 2025
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMBG/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMBG thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực

của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;

- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán (nếu có);

- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng: số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II⁽²⁾			
1. Loại hạng mục công trình	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
2. Giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		
3. Các nội dung công việc chính của hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>		
4. Các nội dung khác	<i>[ghi thông tin (nếu có)]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMBG và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMBG.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định để làm cơ sở đánh giá.

**Chương IV. PHẠM VI CÔNG VIỆC, YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA GÓI THẦU,
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

Mục 1. Phạm vi công việc

1. Bảng khối lượng công việc mời chào giá

STT	Mô tả công việc	Khối lượng	Đơn vị tính
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng đầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè		
1	Lắp dựng, tháo dỡ khung vách ngăn cháy	0,2	100m ²
2	Lắp đặt, tháo dỡ vách ngăn cháy bảo vệ bằng tôn múi	0,20	100m ²
3	Kiểm tra nồng độ hơi xăng dầu	1,0	01 mẫu
4	Cắt ống thép bằng oxy - axetylen, đường kính ống 100mm	5,5	10 mỗi
5	Tháo dỡ ống công nghệ nhập dầu gốc 3"	0,275	100m
6	Lắp bích thép 3"	11,0	cặp bích
7	Làm sạch bề mặt kim loại bằng máy mài đĩa chổi sắt, độ sạch ST2.0	10,0	m ²
8	Lắp đặt đường ống thép 3", sơn 01 lớp sơn lót, 02 lớp sơn màu	0,22	100m
9	Lắp đặt van điều khiển On/Off 3"	55,0	cái
10	Lắp đặt van điều khiển điện từ	55,0	bộ
11	Lắp đặt tủ điều khiển van On/Off tại bể	11,0	cái
12	Lắp đặt tủ PLC trung tâm	1,0	bộ
13	Lắp giá đỡ tủ điện	11,0	bộ
14	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm ²	300,0	m
15	Lắp đặt dây điều khiển 8x1mm ²	400,0	m
16	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính 20mm	200,0	m
17	Nâng cấp lắp đặt hệ thống máy tính điều khiển, cài đặt phần mềm SCADA chuyên dụng	1,0	bộ
18	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển; Lập trình chương trình điều khiển, cấu hình, tích hợp hệ thống SCADA kết nối với hệ thống SCADA điều khiển pha chế, định lượng nhập liệu hiện có tại Nhà máy	11,0	modul
19	Lắp đặt ống nhựa PPR cấp khí nén	1,0	100m
20	Lắp đặt ống khí nén D10	300,0	m
21	Vật tư, phụ kiện đầu nối khí nén	1,0	lô
22	Vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng	1,0	hth
23	Trực an toàn PCCC	1,0	Lần
II	Chi phí dự phòng^(*)		
	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:	5%	

2. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Dầu nhờn Nhà Bè.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng dầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè.
- Chủ đầu tư/Bên mời thầu: Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP.
- Tên gói thầu thi công xây lắp: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng dầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn chủ sở hữu của TCT PLC
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh rút gọn.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết của gói thầu, cụ thể:

a. Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Để không làm gián đoạn hoạt động của Nhà máy và Kho xăng dầu/hóa dầu nên thời gian thi công được quy định như sau: ngoài giờ hành chính hoặc ngoài giờ hoạt động của các dây chuyền sản xuất hoặc ngoài thời gian xuất nhập xăng dầu. Thứ 6 hàng tuần, Chủ đầu tư sẽ thông báo kế hoạch sản xuất, xuất nhập xăng dầu cho nhà thầu. Trong trường hợp phát sinh đột xuất kế hoạch sản xuất, xuất nhập xăng dầu, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trước 01 ngày.
- Về nguồn điện phục vụ công tác thi công: Hệ thống điện tại Nhà máy dầu nhờn đã được thẩm duyệt về thiết kế và nghiệm thu. Để đảm bảo tuyệt đối an toàn Hệ thống điện tại Nhà máy, yêu cầu Nhà thầu phải tự chủ động nguồn điện thi công tại công trường, các thiết bị điện phải đáp ứng tiêu chuẩn “TCVN-5334: 2007- Thiết bị điện kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - Yêu cầu an toàn trong thiết kế, lắp đặt và sử dụng” trong kho xăng dầu/hóa dầu. Nhà thầu phải cam kết tự chủ động nguồn điện thi công tại công trường và các thiết bị điện đáp ứng tiêu chuẩn TCVN-5334: 2007 trong Hồ sơ dự thầu.
- Nhà thầu cần phải có hệ thống tổ chức và nhân sự phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Có sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường, có các bộ phận/ tổ /đội thi công, có phân công nhiệm vụ chi tiết các bộ phận/ tổ /đội thi công.
- Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công phù hợp với yêu cầu của gói thầu, đảm bảo các yêu cầu thi công tại kho Dầu nhờn theo các quy định hiện hành. Có biện pháp tổ

chức thi công giai đoạn chuẩn bị thi công, giai đoạn thi công, giai đoạn hoàn tất thi công.

- Nhà thầu phải lập biện pháp đảm bảo chất lượng phù hợp với yêu cầu của gói thầu: Có tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý, kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công. Có biện pháp kiểm tra chất lượng các công việc chính. Có quy trình nghiệm thu công tác thi công xây lắp.
- Nhà thầu phải lập phương án đảm bảo an toàn lao động phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Có phương án an toàn lao động đối với CB và công nhân tham gia thi công. Có phương án an toàn cho công tác vận hành máy móc thiết bị thi công. Có phương án an toàn sử dụng điện trong quá trình thi công. Có phương án an toàn trong thi công khi thi công ở trên cao. Có phương án an toàn đối với các công trình lân cận
- Nhà thầu phải lập phương án đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Có quy định về thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC tại công trường. Có Biện pháp/ PA tổ chức kỹ thuật thi công đảm bảo an toàn PCCC được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc kho xăng dầu khu vực địa bàn Nhà máy.
- Nhà thầu phải lập phương án đảm bảo công tác vệ sinh môi trường phù hợp với yêu cầu của gói thầu. Có phương án chống ồn, chống bụi. Có phương án chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công.

b. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể

Hồ sơ mời báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt

STT	Nội dung đánh giá	Bắt buộc (M)/ Tùy chọn (O)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Tiêu chuẩn đánh giá Đạt/Không đạt	Phạm vi cho phép sửa đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hệ thống tổ chức và nhân sự (Nhà thầu có thuyết minh hợp lý, phù hợp với các đề xuất khác có liên quan)	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 1 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 1 không đạt	Không
1.1	Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường	M	Có	Đạt: có sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường phù hợp. Không đạt: Không có sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường phù hợp	Không
1.2	Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường có các bộ phận/ tổ /đội thi công.	M	Có	Đạt: có Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường có các bộ phận/ tổ /đội thi công. Không đạt: Không có Sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường có các bộ phận/ tổ /đội thi công	Không
1.3	Thuyết minh chi tiết các bộ phận/ tổ /đội thi công.	M	Có	Đạt: có Thuyết minh chi tiết các bộ phận/ tổ /đội thi công. Không đạt: Không có Thuyết minh chi tiết các bộ phận/ tổ /đội thi công.	Không
2	Biện pháp tổ chức thi công: (Nhà thầu có giải trình chi tiết, hợp lý, phù hợp với các đề xuất khác có liên quan)	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 2 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 2 không đạt	Không
2.1	Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn chuẩn bị thi công	M	Có	Đạt: có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn chuẩn bị thi công Không đạt: Không có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn chuẩn bị thi công	Không

2.2	Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn thi công	M	Có	Đạt: có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn thi công Không đạt: Không có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn thi công	Không
2.3	Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn hoàn tất thi công	M	Có	Đạt: có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn hoàn tất thi công Không đạt: Không có Biện pháp tổ chức thi công giai đoạn hoàn tất thi công	Không
3	Biện pháp đảm bảo chất lượng, ATLĐ, PCCN, VSMT (Nhà thầu phải có giải trình chi tiết, hợp lý, phù hợp với các đề xuất khác có liên quan)	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 3 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 3 không đạt	Không
3.1	Biện pháp quản lý chất lượng:	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 3.1 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 3.1 không đạt	Không
a	Tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý, kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công.	M	Có	Đạt: Có tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý, kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công. Không đạt: Không có tiêu chuẩn, quy chuẩn phục vụ quản lý, kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công.	Không
b	Biện pháp kiểm tra chất lượng các công việc chính	M	Có	Đạt: Có biện pháp kiểm tra chất lượng các công việc chính Không đạt: Không có biện pháp kiểm tra chất lượng các công việc chính	Không
c	Quy trình nghiệm thu công tác thi công xây lắp	M	Có	Đạt: Có quy trình nghiệm thu công tác thi công xây lắp Không đạt: Không có quy trình nghiệm thu công tác thi công xây lắp	Không
3.2	Công tác an toàn lao động	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 3.2 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 3.2 không đạt	Không

a	Phương án an toàn lao động đối với CB và công nhân tham gia thi công	M	Có	Đạt: Có phương án an toàn lao động đối với CB và công nhân tham gia thi công Không đạt: Không có phương án an toàn lao động đối với CB và công nhân tham gia thi công	Không
b	Phương án an toàn cho công tác vận hành máy móc thiết bị thi công	M	Có	Đạt: Có phương án an toàn cho công tác vận hành máy móc thiết bị thi công Không đạt: Không có phương án an toàn cho công tác vận hành máy móc thiết bị thi công	Không
c	Phương án an toàn sử dụng điện trong quá trình thi công	M	Có	Đạt: Có phương án an toàn sử dụng điện trong quá trình thi công Không đạt: Không có phương án an toàn sử dụng điện trong quá trình thi công	Không
d	Phương án an toàn trong thi công khi thi công ở trên cao	M	Có	Đạt: Có Phương án an toàn trong thi công khi thi công ở trên cao Không đạt: Không có Phương án an toàn trong thi công khi thi công ở trên cao	Không
e	Phương án an toàn đối với các công trình lân cận	M	Có	Đạt: Có Phương án an toàn đối với các công trình lân cận Không đạt: Không có Phương án an toàn đối với các công trình lân cận	Không
3.3	Công tác Phòng chống cháy nổ	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 3.3 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 3.3 không đạt	Không
a	Quy định về thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC tại công trường	M	Có	Đạt: Có quy định về thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC tại công trường Không đạt: Không có quy định về thực hiện công tác đảm bảo an toàn PCCC tại công trường	Không

b	Biện pháp/ PA tổ chức kỹ thuật thi công đảm bảo an toàn PCCC được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc kho xăng dầu khu vực địa bàn Nhà máy.	M	Có	Đạt: Có Biện pháp/ PA tổ chức kỹ thuật thi công đảm bảo an toàn PCCC được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc kho xăng dầu khu vực địa bàn Nhà máy. Không đạt: Không có Biện pháp/ PA tổ chức kỹ thuật thi công đảm bảo an toàn PCCC được phê duyệt bởi cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc kho xăng dầu khu vực địa bàn Nhà máy.	Không
3.4	Công tác Vệ sinh môi trường	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 3.4 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 3.4 không đạt	Không
a	Biện pháp chống ồn, chống bụi	M	Có	Đạt: Có biện pháp chống ồn, chống bụi Không đạt: Không có biện pháp chống ồn, chống bụi	Không
b	Biện pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công	M	Có	Đạt: Có biện pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công Không đạt: Không có biện pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công	Không
4	Thời gian thi công	M	150 ngày	Đạt: Thời gian thi công \leq 150 Ngày Không đạt: Thời gian thi công $>$ 150 Ngày	Không
5	Yêu cầu kỹ thuật về hệ thống điều khiển	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 5 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 5 không đạt	
5.1	Hệ thống thiết bị phần cứng	M		Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 5.1 đạt Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 5.1 không đạt	Không

a	Hệ thống điều khiển	M	PLC Siemens hoặc tương đương	<p>Đạt: Hệ thống điều khiển PLC Siemens hoặc tương đương có khả năng kết nối với hệ thống điều khiển hiện có của Nhà máy (PLC Siemens). Đối với hệ thống điều khiển khác Siemens nhà thầu phải chứng minh giải pháp kỹ thuật để kết nối với hệ thống hiện có của Nhà máy.</p> <p>Không đạt: Hệ thống điều khiển khác PLC Siemens nhà thầu không chứng minh được giải pháp kỹ thuật để kết nối với hệ thống hiện có của Nhà máy (PLC Siemens)</p>	Không
b	Khả năng kết nối, mở rộng của Hệ thống điều khiển trong tương lai	M	Có	<p>Đạt: Có khả năng kết nối, mở rộng của Hệ thống điều khiển trong tương lai</p> <p>Không đạt: Không có khả năng kết nối, mở rộng của Hệ thống điều khiển trong tương lai</p>	Không
c	Số lượng tín hiệu điều khiển I/O tối thiểu	M	≥ 180	<p>Đạt: Số lượng tín hiệu điều khiển I/O ≥ 180</p> <p>Không đạt: Số lượng tín hiệu điều khiển I/O < 180</p>	Không
d	Hỗ trợ giao thức truyền thông công nghiệp Modbus và Ethernet	M	Có	<p>Đạt: Có giao thức truyền thông công nghiệp Modbus và Ethernet</p> <p>Không đạt: Không có một trong các giao thức truyền thông công nghiệp Modbus hoặc Ethernet</p>	Không
5.2	Hệ thống phần mềm điều khiển SCADA	M		<p>Đạt: Các chỉ tiêu tại mục 5.2 đạt</p> <p>Không đạt: có chỉ tiêu tại mục 5.2 không đạt</p>	Không
a	Đảm bảo giám sát và điều khiển thời gian thực	M	Có	<p>Đạt: Giám sát và điều khiển thời gian thực</p> <p>Không đạt: Giám sát và điều khiển không theo thời gian thực</p>	Không

b	Giao diện màn hình điều khiển bằng Tiếng Việt	M	Có	Đạt: Giao diện màn hình điều khiển bằng Tiếng Việt Không đạt: Giao diện màn hình điều khiển không bằng Tiếng Việt	Không
c	Chức năng điều khiển vận hành khi nhập dầu gốc	M	Có	Đạt: Có chức năng điều khiển vận hành khi nhập dầu gốc Không đạt: Không có chức năng điều khiển vận hành khi nhập dầu gốc	Không
d	Chức năng cảnh báo khối lượng nhập dầu gốc vượt sức chứa của bể pha chế	M	Có	Đạt: Có chức năng cảnh báo khối lượng nhập dầu gốc vượt sức chứa của bể pha chế Không đạt: Không có chức năng cảnh báo khối lượng nhập dầu gốc vượt sức chứa của bể pha chế	Không
e	Chức năng cảnh báo sự cố khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt	M	Có	Đạt: Có chức năng cảnh báo sự cố khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt Không đạt: Không có chức năng cảnh báo sự cố khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt	Không
f	Chức năng dừng khẩn cấp khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt	M	Có	Đạt: Có chức năng dừng khẩn cấp khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt Không đạt: Không có chức năng dừng khẩn cấp khi khối lượng dầu gốc nhập vượt giá trị đặt	Không

Mục 3. Bản vẽ: Phụ lục đính kèm

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành.

Chương V. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mục 1. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

	A. Các quy định chung
1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. “Bản vẽ” là các bản vẽ của công trình, bao gồm các bản vẽ, bảng tính toán, thông tin kỹ thuật của công trình theo hợp đồng và bất kỳ bản vẽ điều chỉnh hoặc bổ sung nào do Chủ đầu tư phát hành theo hợp đồng hoặc do nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận;1.2. Biên bản nghiệm thu là biên bản được lập, phát hành theo quy định của pháp luật về xây dựng;1.3. “Bất khả kháng” là những sự kiện hoặc tình huống nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch và cấm vận hàng hóa;1.4. “Chủ đầu tư” là bên thuê Nhà thầu thực hiện công trình;1.5. “Đại diện Chủ đầu tư” là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.1.6. “Bản xác nhận hoàn thành việc bảo hành công trình xây dựng” là văn bản được Chủ đầu tư phát hành trên cơ sở Nhà thầu đã khắc phục sửa chữa các sai sót của công trình trong thời hạn bảo hành công trình;1.7. “Công trình” là các Công trình chính và Công trình tạm;1.8. “Công trình tạm” là các công trình cần thiết phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình;1.9. “Công trình chính” là các công trình mà Nhà thầu thi công theo hợp đồng;1.10. “Công trường” là khu vực được xác định trong ĐKCT;1.11. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.1.12. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành công trình, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;1.13. “Năm” là năm dương lịch;1.14. “Tháng” là tháng dương lịch;1.15. “Ngày” là ngày dương lịch;

1.16. “Ngày hoàn thành” là ngày hoàn thành công trình được Chủ đầu tư xác nhận theo **ĐKCT**;

1.17. “Ngày hoàn thành dự kiến” là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được quy định tại **ĐKCT**;

1.18. “Ngày khởi công” là ngày được ghi trong **ĐKCT**. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với ngày tiếp nhận mặt bằng công trường;

1.19. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**;

1.20. “Đại diện Nhà thầu” là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.21. “Nhà thầu phụ”: Không áp dụng;

1.22. “Nhà xưởng” là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của công trình có chức năng cơ điện, hoá học hay sinh học;

1.23. “Sai sót” là bất kỳ phần nào của công trình chưa hoàn thành theo đúng hợp đồng;

1.24. “Sự kiện bồi thường” là các sự kiện được xác định theo Mục 48 **ĐKC**;

1.25. “Thay đổi” là các yêu cầu bằng văn bản của Chủ đầu tư làm thay đổi công trình;

1.26. “Thiết bị” là nhà xưởng, xe, máy móc của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công công trình;

1.27. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian Nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao;

1.28. “Thông số kỹ thuật” là các yêu cầu kỹ thuật của công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Chủ đầu tư đưa ra hay phê duyệt;

1.29. “Nhà thầu tư vấn” là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng;

1.30. “Tư vấn thiết kế” là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

1.31. “Đại diện nhà thầu tư vấn” là người được nhà thầu tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà thầu tư vấn giao.

	<p>1.32. “Vật tư” là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ, máy móc thiết bị sử dụng trong công trình;</p> <p>1.33. “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.</p>
<p>2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>2.1. Đối với trường hợp hoàn thành từng phần theo quy định tại ĐKCT, các thuật ngữ “Công trình”, “Ngày hoàn thành” và “Ngày hoàn thành dự kiến” quy định tại ĐKC được hiểu là áp dụng tương ứng cho từng phần của Công trình.</p> <p>2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.3 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.</p> <p>2.3. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) ĐKCT của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Biên bản hoàn thiện hợp đồng; d) ĐKC của hợp đồng; đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; g) HSBG và các tài liệu làm rõ HSBG của Nhà thầu; h) HSMBG và các tài liệu sửa đổi HSMBG (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT. <p>2.4. Tài liệu hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng quy định tại Điều 65 Luật Đấu thầu và được các bên ký số để tạo thành hợp đồng điện tử bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Văn bản hợp đồng; b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng được điền đầy đủ toàn bộ nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có); c) Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có); d) Tài liệu khác (nếu có).
<p>3. Luật và ngôn ngữ</p>	<p>Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>

<p>4. Thông báo</p>	<p>4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ “bằng văn bản” hay “văn bản” là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc dưới dạng điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.</p> <p>4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<p>5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</p>	<p>5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSBG và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:</p> <p>a) Đặt cọc bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Chủ đầu tư hoặc Séc bảo chi đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;</p> <p>b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>c) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.</p> <p>5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>6. An toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường</p>	<p>An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ</p> <p>6.1. An toàn lao động</p> <p>a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận;</p> <p>b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo để phòng tai nạn;</p>

	<p>c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật;</p> <p>d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động;</p> <p>đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.</p> <p>Khi có sự cố về an toàn lao động, nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.</p> <p>6.2. Bảo vệ môi trường</p> <p>a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường; phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định;</p> <p>b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường;</p> <p>c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.</p> <p>d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.</p> <p>6.3. Phòng chống cháy nổ:</p> <p>Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.</p>
<p>7. Quyền và nghĩa vụ chung</p>	<p>7.1. Quyền của Chủ đầu tư:</p> <p>a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản</p>

của Chủ đầu tư

trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;

b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;

- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Xin giấy phép xây dựng theo quy định (nếu có);

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

c) Thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính của Chủ đầu tư tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

đ) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét và chấp thuận bằng văn bản đối với các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;

g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy

	<p>văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.</p>
<p>8. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu</p>	<p>8.1. Quyền của Nhà thầu</p> <p>a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.</p> <p>b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.</p> <p>8.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu</p> <p>a) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.</p> <p>b) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.</p> <p>c) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.</p> <p>d) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian quy định tại ĐKCT, nếu trong khoảng thời gian quy định Nhà thầu không trả lời thì được coi là Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>8.3. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu</p> <p>Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những thông tin chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.</p> <p>8.4. Hợp tác</p> <p>- Nhà thầu phải có trách nhiệm hợp tác trong công việc đối với nhân sự của Chủ đầu tư và các Nhà thầu khác trong dự án. Hợp tác có thể bao gồm việc sử dụng các thiết bị, công trình tạm, đường vào công trường... của nhà thầu trong trường hợp cần thiết, cấp bách. Trong trường hợp này, nếu phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.</p> <p>- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường và phối hợp hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi (nếu có) được nêu rõ trong HSMBG của Chủ đầu tư.</p> <p>8.5. Định vị các mốc</p>

- Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

- Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó (*các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn*), nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

8.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong HSMBG hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng, hợp lý, thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo chỉ dẫn của Chủ đầu tư đưa ra (nếu có). Trường hợp chỉ dẫn của Chủ đầu tư tạo ra sự thay đổi thì các bên có thể xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 15 ĐKC.

8.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu (*trong quan hệ giữa các bên*) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

8.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn thời gian quy định tại ĐKCT, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

8.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

8.10. Thiết bị và vật liệu do Chủ đầu tư cấp (*nếu có*)

a) Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm đối với thiết bị, vật liệu của mình cấp cho Nhà thầu.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với từng thiết bị, vật liệu của Chủ đầu tư trong khi người của Nhà thầu vận hành, lái, điều khiển, sử dụng, quản lý hoặc kiểm soát nó.

Chủ đầu tư phải cung cấp miễn phí, “các vật liệu do mình cung cấp” (nếu có) theo các chi tiết nêu trong các yêu cầu của Chủ đầu tư. Chủ đầu tư phải chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp những vật tư này tại thời điểm và địa điểm được quy định trong hợp đồng. Nhà thầu phải kiểm tra những vật liệu này và phải thông báo kịp thời cho Chủ đầu tư về sự thiếu hụt, sai sót hoặc không có của những vật liệu này. Trừ khi hai bên có thỏa thuận khác, Chủ đầu tư phải xác định ngay sự thiếu hụt, sai sót như đã được thông báo.

Sau khi được kiểm tra, vật liệu cấp không sẽ phải được Nhà thầu bảo quản và giám sát cẩn thận. Trách nhiệm kiểm tra, bảo quản của Nhà thầu không tách Chủ đầu tư khỏi trách nhiệm đối với sự thiếu hụt, sai sót, lỗi không thấy rõ khi kiểm tra.

8.11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong trong thời gian quy định ĐKCT sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

8.12. Các vấn đề khác có liên quan

Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt

	<p>dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.</p> <p>Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết.</p>
9. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn quản lý dự án (nếu có)	Không áp dụng
10. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (nếu có)	Không áp dụng
11. Nhà thầu phụ	Không áp dụng
12. Hợp tác với các Nhà thầu khác	<p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.</p> <p>Trường hợp có quy định trong Thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác với và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.</p>

<p>13. Nhân sự và Thiết bị</p>	<p>13.1. Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSBG hoặc đã bổ sung để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSBG.</p> <p>13.2. Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu cho nhân sự của Nhà thầu thôi việc với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.</p> <p>13.3. Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu có các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc theo Mục 13.2 ĐKC.</p>
<p>14. Điện, nước và an ninh công trường</p>	<p>14.1 Điện, nước trên công trường</p> <p>a) Trừ trường hợp quy định ở điểm b Mục này, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.</p> <p>b) Nhà thầu có thể sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi công công trình. Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.</p> <p>14.2. An ninh công trường</p> <p>Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:</p> <p>a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;</p> <p>b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.</p>
<p>15. Bất khả</p>	<p>15.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.</p>

	<p>15.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cần trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>15.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>15.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyên cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.</p> <p>15.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.</p>
<p>16. Rủi ro của Chủ đầu tư và Nhà thầu</p>	<p>Chủ đầu tư chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Chủ đầu tư, Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này xác định là rủi ro của Nhà thầu.</p>
<p>17. Rủi ro của Chủ đầu tư</p>	<p>17.1. Kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro sau đây:</p> <p>a) Rủi ro về thương tích, tử vong đối với con người, mất mát hoặc hư hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị) do lỗi của Chủ đầu tư hoặc nhân sự của Chủ đầu tư;</p> <p>b) Rủi ro về tổn thất, hư hại đối với Công trình, Vật tư, Nhà xưởng, Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư, do thiết kế của Chủ đầu tư hoặc do bất khả kháng.</p>

	<p>17.2. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về các rủi ro tổn thất hay hư hại công trình, nhà xưởng, vật tư, trừ trường hợp tổn thất hay hư hại đó bắt nguồn từ:</p> <p>(a) Một sai sót còn tồn tại vào ngày hoàn thành;</p> <p>(b) Một sự việc xảy ra trước ngày hoàn thành và không phải là rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>(c) Các hoạt động của Nhà thầu trên công trường sau ngày hoàn thành.</p>
18. Rủi ro của Nhà thầu	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm về các rủi ro không phải là rủi ro của Chủ đầu tư, bao gồm rủi ro về thương tích, tử vong, mất mát hay hư hỏng tài sản (bao gồm cả công trình, vật tư, nhà xưởng, thiết bị) kể từ Ngày khởi công cho đến ngày Chủ đầu tư phát hành Chứng nhận hết thời hạn bảo hành công trình.</p>
19. Bảo hiểm	<p>19.1. Yêu cầu về bảo hiểm được quy định tại ĐKCT.</p> <p>19.2. Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba.</p>
20. Bảo hành	<p>20.1. Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:</p> <p>a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian quy định tại ĐKCT;</p> <p>b) Trường hợp, Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng và Hồ sơ quyết toán công trình. Bảo lãnh bảo hành phải có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành và phải do một thể nhân hoặc pháp nhân cấp và phải theo mẫu quy định, hoặc mẫu khác thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>20.2. Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá</p>

	trị trên.
21. Thông tin về Công trường	Nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin về Công trường được nêu trong ĐKCT và các thông tin khác có liên quan.
22. Bảo đảm an ninh Công trường	<p>Nhà thầu chịu trách nhiệm bảo đảm an ninh Công trường. Người không có nhiệm vụ liên quan thì không được vào Công trường. Người được phép vào Công trường chỉ bao gồm Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư, người được Chủ đầu tư thông báo bằng bằng văn bản cho Nhà thầu về việc được phép vào Công trường (bao gồm các nhà thầu khác của Chủ đầu tư trên Công trường).</p> <p>Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư phê duyệt kế hoạch đảm bảo an ninh Công trường.</p> <p>Nhà thầu phải (i) tiến hành kiểm tra lý lịch (nếu cần thiết) đối với các nhân sự thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh Công trường; (ii) đào tạo cho các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường (hoặc đảm bảo họ đã được đào tạo đầy đủ) về việc sử dụng vũ lực, và về thái độ ứng xử phù hợp đối với Nhân sự của Nhà thầu, Nhân sự của Chủ đầu tư và các cộng đồng bị ảnh hưởng; (iii) yêu cầu các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường tuân thủ quy định của pháp luật và các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật</p> <p>Nhà thầu không được cho phép các nhân sự đảm bảo an ninh Công trường sử dụng vũ lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trừ trường hợp phòng ngừa và tự vệ phù hợp với bản chất và mức độ của các mối đe dọa.</p> <p>Khi bố trí công tác bảo đảm an ninh Công trường, Nhà thầu phải tuân thủ các yêu cầu khác quy định trong Thông số kỹ thuật.</p>
23. Cổ vật phát hiện tại Công trường	<p>23.1. Bất kỳ đồ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể được phát hiện tại công trường sẽ là tài sản của Nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp bảo vệ hợp lý, bao gồm lập hàng rào quanh khu vực có những phát hiện đó để tránh gây thêm tác động và ngăn ngừa Nhân sự của Nhà thầu hoặc những người khác di dời hoặc phá hoại các phát hiện đó. Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư về việc phát hiện này để giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>23.2. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng bị chậm do việc phát hiện cổ vật hoặc Nhà thầu phải tham gia việc xử lý, bảo quản, vận chuyển cổ vật thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét, giải quyết.</p>
24. Quyền sử	Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng Công trường cho Nhà thầu vào

dụng Công trường	ngày quy định tại ĐKCT . Nếu một phần nào đó của Công trường chưa được giao cho Nhà thầu sử dụng vào ngày quy định tại ĐKCT thì Chủ đầu tư sẽ được xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan và điều này sẽ được xác định là một Sự kiện bồi thường.
25. Ra vào Công trường	Nhà thầu phải cho phép Chủ đầu tư hay bất kỳ người nào khác được Chủ đầu tư uỷ quyền ra vào Công trường và ra vào bất kỳ nơi nào đang thực hiện hoặc dự kiến sẽ thực hiện công việc có liên quan đến Hợp đồng.
26. Tư vấn giám sát	Không áp dụng
27. Giải quyết tranh chấp	<p>27.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>27.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì một bên có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định tại ĐKCT.</p>
	B. Quản lý thời gian
28. Ngày khởi công và Ngày hoàn thành dự kiến	Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào Ngày khởi công quy định tại ĐKCT và phải tiến hành thi công công trình theo đúng Biểu tiến độ thi công chi tiết do Nhà thầu trình và được Chủ đầu tư chấp thuận. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào Ngày hoàn thành dự kiến quy định tại ĐKCT .
29. Biểu tiến độ thi công chi tiết	<p>29.1. Trong khoảng thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư xem xét, chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết bao gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công dự tính cho mỗi giai đoạn chính của Công trình;</p> <p>b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định được nêu cụ thể trong Hợp đồng;</p> <p>c) Báo cáo kèm theo gồm: báo cáo chung về các phương pháp mà Nhà thầu dự kiến áp dụng và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình; số lượng nhân sự và thiết bị của Nhà thầu cần thiết trên Công trường cho mỗi giai đoạn chính.</p> <p>Đối với hợp đồng trọn gói, các hoạt động trong Biểu tiến độ thi công chi tiết phải phù hợp với Bảng kê các hoạt động.</p> <p>29.2. Nhà thầu phải thực hiện theo Biểu tiến độ thi công chi tiết sau khi bảng này được Chủ đầu tư chấp thuận.</p>

	<p>29.3. Việc Chủ đầu tư chấp thuận Biểu tiến độ thi công chi tiết sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh Biểu tiến độ thi công chi tiết (trong đó thể hiện rõ tác động của các Thay đổi và Sự kiện bồi thường) và trình lại cho Chủ đầu tư vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>29.4. Nhà thầu phải theo dõi tiến độ Công trình và trình Chủ đầu tư xem xét báo cáo tiến độ và Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật (trong đó thể hiện rõ tiến độ thực tế, tác động đối với các công việc còn lại) vào những thời điểm không muộn hơn thời gian quy định tại ĐKCT. Trường hợp Nhà thầu không trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật vào những thời điểm trên, Chủ đầu tư có thể giữ lại một số tiền quy định tại ĐKCT trong kỳ thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ được thanh toán ở kỳ thanh toán kế tiếp sau khi Nhà thầu trình Biểu tiến độ thi công chi tiết đã cập nhật. Đối với hợp đồng trọn gói, Nhà thầu phải nộp Bảng kê các hoạt động đã cập nhật trong vòng 14 ngày kể từ khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.</p> <p>Ngoài các báo cáo tiến độ, Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn trong Công trường, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư hoặc Nhân sự của Nhà thầu. Điều này bao gồm bất kỳ sự cố, tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, ảnh hưởng bất lợi đáng kể.</p> <p>Nhà thầu phải lập tức thông báo cho Chủ đầu tư bất kỳ nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn xảy ra trong các cơ sở của các Nhà thầu phụ hoặc nhà cung cấp liên quan đến Công trình, đã hoặc sẽ chắc chắn gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với môi trường, các cộng đồng bị ảnh hưởng. Nhân sự của Chủ đầu tư, Nhân sự của Nhà thầu, và Nhân sự của các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp, ngay khi được biết về nghi vấn, sự cố hoặc tai nạn đó. Thông báo của Nhà thầu phải bao gồm đầy đủ thông tin về các sự cố và tai nạn như vậy. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ chi tiết về các sự cố hay tai nạn đó cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>Nhà thầu phải yêu cầu các Nhà thầu phụ và các nhà cung cấp của mình lập tức thông báo cho Nhà thầu các sự cố và tai nạn như quy định trong Khoản này.</p>
<p>30. Thay đổi tiến độ thực hiện hợp đồng</p>	<p>Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn tiến độ thực hiện Hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <p>30.1. Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>30.2. Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung</p>

	<p>cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng;</p> <p>30.3. Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư;</p> <p>30.4. Việc bàn giao mặt bằng không đúng với thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;</p> <p>30.5. Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu.</p> <p>30.6. Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;</p> <p>30.7. Các trường hợp khác được mô tả tại ĐKCT.</p>
31. Đẩy nhanh tiến độ	<p>31.1. Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì Ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư và Nhà thầu xác nhận.</p> <p>31.2. Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.</p>
32. Trì hoãn theo yêu cầu của Chủ đầu tư	<p>Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ đối với bất kỳ hoạt động nào của Công trình.</p>
	C. Quản lý chất lượng
33. Kiểm tra chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị	<p>33.1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.</p> <p>33.2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị quy định tại ĐKCT để kiểm tra và làm cơ sở nghiệm thu công trình.</p> <p>33.3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.</p> <p>33.4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.</p>
34. Yêu cầu về chất lượng, kiểm tra giám	<p>34.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm</p> <p>Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng như</p>

<p>sát và nghiệm thu công việc</p>	<p>sau:</p> <p>a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong HSMBG phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.</p> <p>b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.</p> <p>34.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư</p> <p>a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;</p> <p>b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.</p> <p>Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.</p> <p>Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.</p> <p>34.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bản giao và các quy định khác có liên quan.</p>
<p>35. Xác định</p>	<p>Chủ đầu tư phải kiểm tra, đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu</p>

<p>các sai sót trong công trình</p>	<p>và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ sai sót nào được phát hiện. Việc kiểm tra của Chủ đầu tư không làm thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu. Chủ đầu tư có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm xem công trình có sai sót hay không và Nhà thầu phải kiểm tra, thử nghiệm bất kỳ phần việc nào mà Chủ đầu tư cho là có thể có sai sót.</p>
<p>36. Thử nghiệm</p>	<p>36.1. Nếu Chủ đầu tư chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thử nghiệm không được quy định tại phần Thông số kỹ thuật nhằm kiểm tra xem có sai sót hay không và sau đó kết quả thử nghiệm cho thấy có sai sót thì Nhà thầu sẽ phải trả chi phí lấy mẫu và thử nghiệm. Nếu không có sai sót thì việc lấy mẫu, thử nghiệm đó sẽ được coi là một Sự kiện bồi thường.</p> <p>36.2. Trước khi bắt đầu thử nghiệm, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.</p> <p>36.3. Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành thử nghiệm cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành thử nghiệm của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.</p> <p>36.4. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần thử nghiệm. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần thử nghiệm tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành thử nghiệm và coi như việc thử nghiệm đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.</p> <p>36.5. Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần thử nghiệm và các bên ký biên bản thử nghiệm làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.</p>
<p>37. Sửa chữa khác phục Sai sót</p>	<p>37.1. Kể từ Ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành công trình, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu về các Sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót được sửa chữa xong.</p> <p>37.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót trong Công trình, Nhà thầu phải tiến hành sửa chữa Sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà Chủ đầu tư đã thông báo.</p> <p>37.3. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.</p>

<p>38. Sai sót không được sửa chữa</p>	<p>38.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.</p> <p>38.2. Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.</p> <p>38.3. Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.</p>
<p>39. Dự báo về sự cố</p>	<p>Nhà thầu cần dự báo sớm cho Chủ đầu tư về các sự việc có thể sắp xảy ra mà tác động xấu đến chất lượng công trình, làm tăng giá hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu dự báo về ảnh hưởng của sự việc này đối với giá hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải hợp tác với Chủ đầu tư để đưa ra các biện pháp khắc phục.</p>
<p>D. Quản lý chi phí</p>	
<p>40. Loại hợp đồng</p>	<p>Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
<p>41. Giá hợp đồng và bảng giá hợp đồng</p>	<p>41.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT.</p> <p>41.2. Không áp dụng.</p> <p>41.3. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà Nhà thầu phải thực hiện và thành tiền của các hạng mục đó.</p>
<p>42. Tạm ứng</p>	<p>42.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tiền tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của Bảo lãnh tiền tạm ứng, giá trị chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả.</p>

	<p>Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>42.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu Bảo lãnh tiền tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>42.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các Thay đổi Hợp đồng, các Sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc Bồi thường thiệt hại.</p> <p>42.4. Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký (trừ trường hợp được người có thẩm quyền cho tạm ứng ở mức cao hơn).</p>
<p>43. Hồ sơ thanh toán</p>	<p>43.2. Hồ sơ thanh toán đối với hợp đồng theo đơn giá cố định:</p> <p>a) Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>b) Bản xác nhận khối lượng điều chỉnh tăng hoặc giảm so với hợp đồng có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát (nếu có);</p> <p>c) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành đã được xác nhận và đơn giá ghi trong hợp đồng;</p> <p>d) Đề nghị thanh toán của nhà thầu, trong đó nêu rõ khối lượng đã hoàn thành và giá trị hoàn thành, giá trị tăng (giảm) so với hợp đồng, giá trị đã tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn thanh toán.</p>
<p>44. Thanh toán</p>	<p>44.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>44.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<p>45. Điều chỉnh thuế</p>	<p>Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>

<p>46. Tiền giữ lại</p>	<p>46.1. Mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một phần theo quy định tại ĐKCT cho đến khi hoàn thành toàn bộ công trình.</p> <p>46.2. Tiền giữ lại sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi kết thúc Thời hạn bảo hành và Chủ đầu tư đã xác nhận rằng mọi sai sót mà Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu trước khi kết thúc thời hạn đó đã được sửa chữa. Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.</p>
<p>47. Sửa đổi hợp đồng</p>	<p>47.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:</p> <p>a) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;</p> <p>b) Thay đổi về thiết kế;</p> <p>c) Thay đổi các mốc hoàn thành và thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Các trường khác quy định tại ĐKCT</p> <p>47.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 47.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày hoàn thành phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày hoàn thành phải được thực hiện trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.</p> <p>47.3. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.4. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh sau khi được người có thẩm quyền cho phép. Việc điều chỉnh tiến độ thi công tuân thủ quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.</p> <p>47.5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>47.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:</p> <p>a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;</p>

	<p>b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;</p> <p>c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng;</p> <p>d) Mô tả các công việc cần thực hiện.</p> <p>47.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các công năng cần thiết của Công trình:</p> <p>a) Rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;</p> <p>c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của Công trình;</p> <p>d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại ĐKCT đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.</p> <p>Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d Mục này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.</p>
<p>48. Sự kiện bồi thường</p>	<p>48.1. Các sự kiện sau đây sẽ được xem là Sự kiện bồi thường:</p> <p>a) Chủ đầu tư không giao một phần mặt bằng Công trường vào Ngày tiếp nhận Công trường theo quy định tại Mục 24 ĐKC;</p> <p>b) Chủ đầu tư sửa đổi lịch hoạt động của các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng này;</p> <p>c) Chủ đầu tư thông báo trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Thông số kỹ thuật hay các chỉ thị cần thiết để thực hiện Công trình đúng thời hạn;</p> <p>d) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu tiến hành các thử nghiệm bổ sung nhưng kết quả không tìm thấy Sai sót;</p> <p>đ) Chủ đầu tư không phê chuẩn hợp đồng sử dụng Nhà thầu phụ mà không có lý do xác đáng, hợp lý;</p> <p>e) Điều kiện nền đất công trường xấu hơn nhiều so với dự kiến tại thời điểm trước khi có Thư Chấp Thuận mà dự kiến đó đã được đưa ra một cách hợp lý dựa trên các thông tin cung cấp cho các nhà thầu (bao gồm các Báo Cáo Khảo Sát Công Trường), các thông tin có sẵn khác và kết quả thị sát Công Trường.</p> <p>g) Chủ đầu tư yêu cầu giải quyết tình huống đột xuất hoặc công việc</p>

	<p>phát sinh cần thiết để bảo đảm an toàn công trình hoặc các lý do khác;</p> <p>h) Các nhà thầu khác và cơ quan, đơn vị liên quan hoặc Chủ Đầu Tư không làm việc vào các ngày đã nêu trong Hợp Đồng và không làm việc trong các điều kiện đã nêu trong Hợp Đồng, gây ra chậm trễ hoặc làm phát sinh chi phí cho Nhà Thầu.</p> <p>i) Tạm ứng chậm;</p> <p>k) Nhà thầu chịu ảnh hưởng từ rủi ro của Chủ đầu tư;</p> <p>l) Chủ đầu tư chậm cấp giấy chứng nhận hoàn thành công trình mà không có lý do hợp lý.</p> <p>48.2. Nếu Sự kiện bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở việc hoàn thành công việc trước Ngày hoàn thành dự kiến, giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh tăng lên, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được gia hạn. Chủ đầu tư phải xem xét quyết định việc điều chỉnh giá hợp đồng và gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>48.3. Sau khi Nhà thầu cung cấp thông tin chứng minh ảnh hưởng của từng Sự kiện bồi thường đối với dự toán chi phí của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải xem xét, đánh giá và điều chỉnh giá hợp đồng cho phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu không hợp lý thì Chủ đầu tư sẽ điều chỉnh giá hợp đồng dựa trên dự toán phù hợp theo đúng quy định do Chủ đầu tư lập.</p> <p>48.4. Nhà thầu có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo sớm hoặc không hợp tác với Chủ đầu tư.</p>
49. Phạt vi phạm và thưởng hợp đồng	<p>49.1. Nhà thầu bị phạt theo mức quy định tại ĐKCT cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá tổng số tiền quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>49.2. Việc bồi thường thiệt hại thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>49.3. Việc thưởng hợp đồng được thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
50. Công nhật	Không áp dụng.
51. Chi phí sửa chữa	Những tổn thất hoặc hư hại của Công trình hoặc Vật tư đưa vào sử dụng cho Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn bảo hành sẽ do Nhà thầu sửa chữa và tự chi trả chi phí sửa chữa, nếu các tổn thất hay hư hại đó xảy ra do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.
	E. Kết thúc hợp đồng

52. Nghiệm thu	Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu ký xác nhận.
53. Hoàn thành	Nếu Nhà thầu yêu cầu Chủ đầu tư cấp Giấy chứng nhận hoàn thành công trình thì Chủ đầu tư sẽ cấp Giấy chứng nhận sau khi xác định Công trình đã được hoàn thành.
54. Bàn giao	<p>Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình theo thời gian được quy định tại ĐKCT kể từ khi Nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.</p> <p>Bàn giao hạng mục công trình, công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.</p>
55. Bản vẽ hoàn công, hướng dẫn vận hành	<p>55.1. Nhà thầu phải hoàn thành và nộp cho Chủ đầu tư bản vẽ hoàn công theo quy định của pháp luật hiện hành, tài liệu hướng dẫn quy trình vận hành thiết bị lắp đặt (nếu có) vào ngày quy định tại ĐKCT.</p> <p>55.2. Nếu Nhà thầu không nộp bản vẽ hoàn công hoặc hướng dẫn vận hành vào ngày quy định tại ĐKCT hoặc các tài liệu này không được Chủ đầu tư chấp nhận, Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền quy định tại ĐKCT từ khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.</p>
56. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	<p>56.1. Quyết toán hợp đồng</p> <p>Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và gồm các quy định sau:</p> <p>a) Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư hồ sơ quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận trong khoảng thời gian quy định tại ĐKCT, bao gồm các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng; - Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng; - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu; - Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; - Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có). <p>b) Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá số ngày quy định tại ĐKCT, kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành</p>

	<p>toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).</p> <p>56.2. Thanh lý hợp đồng</p> <p>Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và các quy định sau:</p> <p>a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký; - Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật. <p>b) Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật và không quá 90 ngày đối với những hợp đồng có quy mô lớn, phức tạp.</p> <p>56.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư</p> <p>Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.</p>
<p>57. Chấm dứt hợp đồng</p>	<p>57.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản Hợp đồng.</p> <p>57.2. Các vi phạm cơ bản Hợp đồng bao gồm, nhưng không chỉ hạn chế ở các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu dừng thi công 28 ngày trong khi việc dừng thi công này không có trong Biểu tiến độ thi công và chưa được Chủ đầu tư cho phép;</p> <p>b) Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ Công trình và không rút lại chỉ thị này trong vòng 28 ngày kể từ ngày ban hành văn bản yêu cầu Nhà thầu trì hoãn tiến độ;</p> <p>c) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>d) Nhà thầu có một giấy đề nghị thanh toán cho các khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu theo quy định nhưng không được Chủ đầu tư thanh toán trong vòng 28 ngày kể từ ngày Nhà thầu gửi đề nghị thanh toán;</p> <p>đ) Nhà thầu không sửa chữa những sai sót gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng Công trình trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu;</p> <p>e) Nhà thầu không duy trì Bảo lãnh tiền tạm ứng, Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định;</p> <p>g) Nhà thầu chậm trễ việc hoàn thành Công trình và số tiền phạt hợp</p>

	<p>đồng tương đương với tổng số tiền tối đa bị phạt;</p> <p>h) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng.</p> <p>57.3. Khi Nhà thầu vi phạm Hợp đồng do một nguyên nhân khác ngoài các trường hợp liệt kê trong Mục 57.2 ĐKC nêu trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định đó có phải một vi phạm cơ bản với Hợp đồng hay không.</p> <p>57.4. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công trường an toàn và rời khỏi Công trường càng sớm càng tốt.</p>
58. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng	<p>58.1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu quy định tại Mục 57 ĐKC, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của Nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.</p> <p>58.2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Chủ đầu tư quy định tại Mục 57 ĐKC hoặc do bất khả kháng, Chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà Nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà Nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.</p>
59. Tài sản	Tất cả Vật tư trên công trường, Nhà xưởng, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình đều sẽ là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.
60. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng	Nếu việc thực hiện hợp đồng bị dừng lại do bất khả kháng thì Chủ đầu tư phải chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng. Nhà thầu phải bảo đảm an toàn cho Công trường và dừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận được giấy chứng nhận của Chủ đầu tư; Nhà thầu sẽ được thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện trước khi có giấy chứng nhận hợp đồng bị chấm dứt do bất khả kháng.

II. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

A. Các quy định chung	
ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư là: TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX – CTCP</p> <p>Địa chỉ: Tầng 18&19 số 229 Tây Sơn, P. Kim Liên, TP. Hà Nội</p>

	<p>Mã số thuế: 0101463614</p> <p>Số tài khoản: 001.100.001.7858 tại Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</p> <p>Điện thoại: 02438513205</p> <p>Email: dauthau.plc@petrolimex.com.vn</p>
ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện, điều khiển, hệ thống van định lượng dầu gốc vào bể pha chế - NMDN Nhà Bè
ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại: NMDN Nhà Bè, Kho B, TK Xăng dầu Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ___ [ghi ngày]
ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ___ [ghi ngày].
ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ___ [ghi ngày].
ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
ĐKC 1.29	Không áp dụng
ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [Chỉ đầu tư điện]
ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: ___ [liệt kê tài liệu].
ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 10 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng

	thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 07 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
ĐKC 11.1	Không áp dụng.
ĐKC 11.2	Không áp dụng.
ĐKC 11.4	Không áp dụng.
ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: theo quy định của pháp luật liên quan.
ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 365 ngày (12 tháng), kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình.
ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: _____ <i>[liệt kê các thông tin và dữ liệu về công trường]</i> .
ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: _____ <i>[ghi địa điểm và ngày]</i> .
ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày. Giải quyết tranh chấp: Tại tòa án địa phương nơi đặt trụ sở của Chủ đầu tư. Án phí do bên thua kiện chịu.
B. Quản lý thời gian	
ĐKC 28	- Ngày khởi công: _____ <i>[ghi ngày dự định khởi công]</i> . - Ngày hoàn thành dự kiến: _____ <i>[ghi ngày hoàn thành dự kiến]</i> .
ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng _____ <i>[ghi số ngày]</i> từ ngày ký Hợp đồng.
ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày.

	- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 20.000.000 đồng.
ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: _____ [ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].
C. Quản lý chất lượng	
ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: _____ [ghi tên, chủng loại vật tư, máy móc, thiết bị cần yêu cầu Nhà thầu cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm (nếu có)].
D. Quản lý chi phí	
ĐKC 40	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Đơn giá cố định.
ĐKC 42.1	Tạm ứng: Theo kết quả hoàn thiện hợp đồng. Thời gian tạm ứng: Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được Bảo lãnh tạm ứng.
ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.
ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng
ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.
ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: phù hợp với quy định của pháp luật.
ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
ĐKC 49.1	Mức phạt: 0,1% giá hợp đồng với 01 ngày chậm tiến độ. Số tiền phạt tối đa 12% giá trị hợp đồng.
ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.

E. Kết thúc hợp đồng	
ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: _____ [<i>ghi thời gian bàn giao công trình</i>].
ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: _____ [<i>ghi thời gian nộp bản vẽ hoàn công</i>].
ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: _____ [<i>ghi số tiền giữ lại</i>].
ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 60 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY LẮP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: ...

GÓI THẦU: ...

GIỮA

TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX-CTCP

VÀ

...

HÀ NỘI - 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý dự án)

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (áp dụng đối với trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng)

Điều 15. Nhà thầu phụ

Điều 16. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Điều 17. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Điều 19. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Điều 20. Bảo hiểm và bảo hành

Điều 21. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 22. Sự kiện bồi thường

Điều 23. Thương hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 27. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng.

Điều 4. Thông báo.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng.

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán.

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng.

Điều 15. Nhà thầu phụ.

Điều 22. Sự kiện bồi thường.

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
VNĐ	Đồng Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026 tại ..., chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Bên giao thầu):

Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY HÓA DẦU PETROLIMEX - CTCP**

Đại diện là Ông : **Lê Quang Tuấn** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ: Tầng 18&19, số 229 phố Tây Sơn, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội.

Tài Khoản: 001.100.001.7858 tại Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Mã số thuế: 0101463614

Điện thoại: (024) 3.8513205

Fax: (024) 3.8513207

E-mail: plc@petrolimex.com.vn

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu):

Tên giao dịch: ...

Đại diện là Ông: ... Chức vụ: ...

Địa chỉ:

Tài Khoản: ... tại NH

Mã số thuế: ...

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng Gói thầu: ..., như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Các căn cứ ký kết hợp đồng.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Theo quy định tại Mục 1 – Điều kiện chung của Hợp đồng

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.6. *Chủ đầu tư* là : **Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex -CTCP.**

1.7. *Công trình* bao gồm: được hiểu là Gói thầu:

Địa điểm:

1.10. *Công trường*:

1.21. *Ngày khởi công* là: Là Ngày ghi trong Biên bản bàn giao mặt bằng.

1.23. *Nhà thầu* là:

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng.

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

c) Hồ sơ giao nhận thầu thi công;

- d) Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Chủ đầu tư (nếu có);
- e) Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu
- g) Biên Bản thương Thảo hoàn thiện Hợp đồng.
- h) Các Phụ lục hợp đồng;
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên của các tài liệu

Những tài liệu cấu thành nên Hợp đồng là quan hệ thống nhất giải thích tương hỗ cho nhau, nhưng nếu có điểm nào không rõ ràng hoặc không thống nhất thì các bên có trách nhiệm trao đổi và thống nhất. Trường hợp, các bên không thống nhất được thì thứ tự ưu tiên các tài liệu cấu thành hợp đồng để xử lý vấn đề không thống nhất được quy định như sau:

Hồ sơ giao nhận thầu thi công; Các chỉ dẫn kỹ thuật, các bản vẽ thiết kế của Chủ đầu tư; Hồ sơ đề xuất của Nhà thầu; Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản; Các Phụ lục hợp đồng.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều 4. Thông báo

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản và xác nhận đã gửi tới bên còn lại qua đường văn thư, fax hoặc email.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện Hợp đồng; phải bồi thường mọi thiệt hại cho Chủ đầu tư khi không thực hiện đầy đủ các nội dung của hợp đồng.
- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 5% giá trị hợp đồng.
- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày làm việc sau khi cả hai bên đã ký hợp đồng.
- Thời gian Nhà thầu phải gia hạn bảo đảm thực hiện là 05 ngày trước ngày hết hạn bảo đảm thực hiện.
- Thời gian thanh toán nợ cho Chủ đầu tư là 05 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả.
- Thời gian sửa chữa sai sót là 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.
- Thời gian trả lại bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu là 05 ngày sau khi cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành.

5.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng khoản tiền tạm ứng của Chủ đầu tư để thực hiện các công việc thi công xây dựng Gói thầu: Không được sử dụng khoản tiền này vào các mục đích khác.
- Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là 05 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.3. Trường hợp Chủ đầu tư cung cấp một số hay toàn bộ vật tư, máy thi công thì các bên cần thể hiện rõ trong hợp đồng; bao gồm cả về khối lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm

cung cấp.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

7.4. Chạy thử công trình (nếu có)

Thời chạy thử: trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được Thông báo chạy thử công trình của Nhà thầu, CĐT phải thông báo cho Nhà thầu về kế hoạch tham gia nghiệm thu chạy thử của mình.

7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thời gian phản hồi Nhà thầu là: trong vòng 05 ngày kể từ khi nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.2. Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

- Ngày bắt đầu công việc là: Ngày ghi trong Biên bản bàn giao mặt bằng thi công.
- Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về ngày bắt đầu công việc là: 07 ngày.
- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là: Kể từ ngày ký kết hợp đồng và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng.
- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là: 150 ngày tính từ ngày bắt đầu công việc.

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

- Thời gian Nhà thầu trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc cho Chủ đầu tư là trong vòng 07 ngày tính từ ngày bắt đầu công việc.
- Chủ đầu tư sẽ giữ lại số tiền là 20.000.000 đồng nếu Nhà thầu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật.

8.4. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

- Khi bổ sung thêm công việc ngoài phạm vi hợp đồng.
- Tạm dừng công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư không do lỗi của Nhà thầu.
- Các lý do bất khả kháng do nguyên nhân khách quan mang lại ngoài ý muốn của cả hai bên.

Điều 9. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.2. Giá hợp đồng.

a) Hợp đồng này là hợp đồng: Theo Đơn giá cố định.

b) Giá hợp đồng: Bằng Việt Nam Đồng:

- Giá hợp đồng trước thuế: ... đồng.
- Thuế VAT: ... đồng.
- Giá trị hợp đồng sau thuế: ... đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Ghi chú: Thuế suất thuế VAT có thể thay đổi theo quy định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện xuất Hóa đơn.

Giá trị dự phòng phí ...% cho khối lượng phát sinh (nếu có).

9.3. Bảo lãnh tạm ứng, tạm ứng.

- Bên A tạm ứng cho Bên B ...% giá trị Hợp đồng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và đồng thời bên bán nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị bằng 5% tổng giá trị hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng với giá trị tương đương khoản tiền tạm ứng.

- Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán tiếp theo, tỷ lệ giảm trừ mỗi lần thanh toán sẽ dựa trên tỷ lệ giá trị khối lượng hoàn thành của nhà thầu.
- Bảo lãnh tiền tạm ứng: Bảo lãnh tiền tạm ứng có giá trị tương đương giá trị tạm ứng ghi trong hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày số tiền tạm ứng được chuyển vào tài khoản của Bên B cho đến ngày Bên A thu hồi hết số tiền tạm ứng (hai bên ký Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng) hoặc ngày hết hạn hiệu lực của Hợp đồng tùy theo ngày nào đến trước.
- Thời gian tạm ứng: Sau 05 ngày kể từ ngày CĐT nhận đầy đủ hồ sơ tạm ứng gồm: Hợp đồng xây dựng, công văn đề nghị tạm ứng, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng.

9.4. Thanh toán

- Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng xây dựng là đồng tiền Việt Nam.
- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

Việc thanh toán được chia làm 02 lần:

- Lần 1: Khi Nhà thầu thi công xong Hạng mục công trình thì CĐT thanh toán cho Nhà thầu đến ...% giá hợp đồng (trong đó CĐT sẽ thu hồi hết giá trị tạm ứng).
- Lần 2 (Lần cuối): Thanh toán toàn bộ giá trị còn lại sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc, thỏa thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán.

9.5. Thời hạn thanh toán

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

9.6. Thanh toán tiền bị giữ lại

Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 05% giá trị quyết toán hợp đồng.

9.8. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán: 01 bộ.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

* Hồ sơ thanh toán lần 1:

- Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng
- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu.

* Hồ sơ thanh toán lần 2:

- Hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng đã được hai bên ký kết.
- Hóa đơn tài chính xuất cho giá trị khối lượng công việc hoàn thành.
- Công văn đề nghị thanh toán của Nhà thầu.

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

10.1. Việc điều chỉnh khối lượng công việc và một số nội dung khác trong hợp đồng.

Khối lượng điều chỉnh:

- Khối lượng bổ sung phải căn cứ vào khối lượng nghiệm thu thực tế thi công và được Tư vấn thiết kế, Chủ đầu tư chấp thuận.
- Bổ sung bản vẽ thi công theo các biên bản xử lý hiện trường.

Đối với điều chỉnh một số nội dung khác trong hợp đồng: được Tư vấn thiết kế, Chủ đầu tư chấp thuận.

10.2. Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng

Trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng: Khi Nhà nước thay đổi chính sách.

Phương pháp điều chỉnh theo hướng dẫn tại Phụ lục I Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Điều 15. Nhà thầu phụ

15.1. Danh sách Nhà thầu phụ: Không.

Giá trị công việc mà Nhà thầu phụ thực hiện: không.

15.2. Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ: Không.

Điều 22. Sự kiện bồi thường

22.1. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu quy định bồi thường thiệt hại theo cách sau:

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

Điều 24. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

24.2. Xử lý các tranh chấp

- Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là: 07 ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên.

- Hình thức giải quyết tranh chấp Thực hiện theo quy định nêu tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Điều 25. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

25.1. Quyết toán hợp đồng

- Thời gian trình hồ sơ quyết toán hợp đồng là: 60 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là: 04 bộ.

25.2. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là: 14 ngày.

Điều 26. Hiệu lực của hợp đồng

26.1. Hợp đồng này bao gồm ... trang và phụ lục đính kèm, được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau, Chủ đầu tư sẽ giữ: 02 bản; Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

26.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết hợp đồng và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Điều 5 Hợp đồng.

CHỦ ĐẦU TƯ

NHÀ THẦU

PHỤ LỤC: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số: ...)

Gói thầu: ...

STT	Mô tả công việc	Khối lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Lắp dựng, tháo dỡ khung vách ngăn cháy	0,2	100m2		
2	Lắp đặt, tháo dỡ vách ngăn cháy bảo vệ bằng tôn múi	0,20	100m2		
3	Kiểm tra nồng độ hơi xăng dầu	1,0	01 mẫu		
4	Cắt ống thép bằng ôxy - axetylen, đường kính ống 100mm	5,5	10 mỗi		
5	Tháo dỡ ống công nghệ nhập dầu gốc 3"	0,275	100m		
6	Lắp bích thép 3"	11,0	cặp bích		
7	Làm sạch bề mặt kim loại bằng máy mài đĩa chổi sắt, độ sạch ST2.0	10,0	m2		
8	Lắp đặt đường ống thép 3", sơn 01 lớp sơn lót, 02 lớp sơn màu	0,22	100m		
9	Lắp đặt van điều khiển On/Off 3"	55,0	cái		
10	Lắp đặt van điều khiển điện từ	55,0	bộ		
11	Lắp đặt tủ điều khiển van On/Off tại bể	11,0	cái		
12	Lắp đặt tủ PLC trung tâm	1,0	bộ		
13	Lắp giá đỡ tủ điện	11,0	bộ		
14	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm ²	300,0	m		
15	Lắp đặt dây điều khiển 8x1mm ²	400,0	m		
16	Lắp đặt ống nhựa, máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn, đường kính 20mm	200,0	m		
17	Nâng cấp lắp đặt hệ thống máy tính điều khiển, cài đặt phần mềm SCADA chuyên dụng	1,0	bộ		
18	Cài tạo, nâng cấp hệ thống điều khiển; Lập trình chương trình điều khiển, cấu hình, tích hợp hệ thống SCADA kết nối với hệ thống SCADA điều khiển pha chế, định lượng nhập liệu hiện có tại Nhà máy	11,0	modul		
19	Lắp đặt ống nhựa PPR cấp khí nén	1,0	100m		
20	Lắp đặt ống khí nén D10	300,0	m		
21	Vật tư, phụ kiện đầu nối khí nén	1,0	lô		
22	Vận hành chạy thử, hướng dẫn sử dụng	1,0	hth		
23	Trực an toàn PCCC	1,0	Lần		
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế VAT %)				